TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGD-ST
Ngày 17-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng
Bà Trịnh Thị Hương
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Chung -Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2017/TLST-DS ngày 6 tháng 7 năm 2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2018/QĐST-DS ngày 25/6/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Hoàng Thị Thanh N - sinh năm: 1973, địa chỉ cư trú: 304 đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Xuân Vinh – Luật sư của Văn phòng Luật sư Hòa Phát thuộc Đoàn Luật sư Tp Đà Nẵng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* anh Phạm Bình S- sinh năm: 1971, địa chỉ cư trú: Phòng 401, Chung cư nhà số 5, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Hữu T và chị Hoàng Thị Thanh L, địa chỉ: 143 T, phường T, quận T, Đà Nẵng. (Có mặt)

2. Anh Phùng Văn T và chị Trương Thị Cẩm V, địa chỉ: 43 N, phường H, quận H, Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

3. Chị Hoàng Thị Thanh H. Địa chỉ: 3378 K Rd San Jose, CA 95121 H, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của chị Hoàng Thị Thanh H: chị Hoàng Thị Thanh L, địa chỉ: 143 T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy ủy quyền số công

chứng 3533, ngày 07/6/2017 của Văn Phòng Công chứng Ngọc Yến, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

4. Anh Hoàng Tiến D và chị Phan Thị P, địa chỉ: 49 K, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

5. Trung tâm phát triển B, địa chỉ: 37 H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 19 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị N và anh Phạm Bình S đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 1999, tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống anh S hoàn toàn không có trách nhiệm gì với gia đình vợ con, thường xuyên đi sớm về khuya, tự làm tự tiêu, không đóng góp tiền để chi phí sinh hoạt trong gia đình cũng như chi phí để chăm sóc nuôi con. Năm 2009, sau khi Chị N sinh đứa con thứ hai cũng là con gái thì anh S có quan hệ với người phụ nữ khác và bỏ nhà ra ngoài sống, đến năm 2013 vì mong muốn các con có cha Chị N chấp nhận anh S quay về chung sống. Tuy nhiên, anh S vẫn không thay đổi, không quan tâm gì đến gia đình, con cái và đến tháng 5 năm 2016 thì tiếp tục bỏ nhà ra đi sống với người phụ nữ khác, để mặc Chị N một mình nuôi con. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không tồn tại, nên Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị N trình bày có 02 con chung là: cháu Phạm Hoàng Khánh N – sinh ngày 26 tháng 01 năm 2000 và Phạm Hoàng Thảo U– sinh ngày 12 tháng 4 năm 2009. Do hiện nay cháu Phạm Hoàng Khánh N đã đủ tuổi thành niên, có quyền lựa chọn cuộc sống ở với cha hay mẹ là quyền của bé. Chị N xin được nuôi cháu Phạm Hoàng Thảo U và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con vì thực tế bao năm nay anh S đã không nuôi con, không quan tâm đến con.

Tại Bản tự khai ngày 20/7/2017 các cháu Phạm Hoàng Khánh N và Phạm Hoàng Thảo U khai nhận do ba của các cháu bỏ nhà ra đi bao lâu nay, không lo lắng cho các cháu nên các cháu xin được ở với mẹ.

Về tài sản chung: Chi N khai nhận trong quá trình chung sống hai vợ chồng có tài sản chung gồm:

(i) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10, địa chỉ 304 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, diện tích đất là 39,70m^2, ngôi nhà 03 tầng diện tích xây dựng 35m^2, diện tích sử dụng 100,22m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402040269 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2001 cho ông Nguyễn Quang B và bà Trần Thị Lệ T, chứng nhận chuyển nhượng cho anh Phạm Bình S và chị Hoàng Thị Thanh N ngày 23/02/2006.

(ii) Quyền sử dụng Lô đất số 15, phân khu L, đường 7,5m, điện tích 150m2 thuộc Khu phố chợ H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng (còn nợ 100% tiền sử dụng đất) theo Hợp đồng số: 164/HĐ/CQSDĐ v/v chuyển quyền sử dụng đất Khu phố chợ H, phường H, quận N, Tp Đà Nẵng ngày 15/01/2007 giữa Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đà Nẵng và anh Phạm Bình S, chị Hoàng Thị Thanh N.

Chị N cho rằng toàn bộ tài sản chung nêu trên là do chị cùng anh chị em trong gia đình và bạn bè cho mượn gầy dựng nên. Anh S luôn trốn tránh trách nhiệm với gia đình, bỏ nhà đi trong nhiều năm, không đóng góp gì trong việc tạo dựng khối tài sản này, nhưng vì mong muốn gia đình hạnh phúc nên chị để cho anh S cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Do vậy, Chị N đề nghị chia tài sản cho chị phần nhiều hơn và xin được nhận bằng hiện vật là cả quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 304 đường T và quyền sử dụng Lô đất số 15, phân khu L, 150 m2 thuộc Khu phố chợ H để chị có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung. Chị N có trách nhiệm trả khoản tiền nợ tiền sử dụng đất và thối trả cho anh S phần chia tài sản chung bằng tiền.

Chị N thống nhất với kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số: 18140150/ĐNG ngày 12/3/2018 của Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng.

Về nợ chung: Chị N xác nhận vợ chồng có các khoản nợ sau: nợ vợ chồng chị ruột là anh Nguyễn Hữu T, chị Hoàng Thị Thanh L số tiền 400.000.000 đồng; vợ chồng em ruột là Hoàng Tiến D và Phan Thị P số tiền 450.000.000 đồng; nợ em ruột là Hoàng Thị Thanh H số tiền 30.000 USD tương đương 660.000.000 đồng; nợ vợ chồng bạn thân là anh Phùng Văn T và chị Trương Thị Cẩm V số tiền 300.000.000 đồng. Các khoản nợ trên do vợ chồng mượn để mua đất, mua nhà, xây nhà nên mỗi người có trách nhiệm trả 50% số nợ.

* Bị đơn anh Phạm Bình S trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của Chị N cũng như con chung, tài sản chung, nợ chung.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh Nguyễn Hữu T, chị Hoàng Thị Thanh L, đại diện hợp pháp của chị Hoàng Thị Thanh H, vợ chồng anh Phùng Văn T, chị Trương Thị Cẩm V, vợ chồng anh Hoàng Tiến D, chị Phan Thị P trình bày: vợ chồng Chị N, anh S có nợ các khoản tiền như Chị N khai nhận là đúng, đó là khoản nợ chung của vợ chồng N – S, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ chung đó trong vụ án này. Sau này nếu có yêu cầu thì họ sẽ khởi kiện riêng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh N, địa chỉ cư trú tại quận T, thành phố Đà Nẵng yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Bình S, địa chỉ cư trú tại quận L,

thành phố Đà Nẵng. Trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị Thanh H đang cư trú tại địa chỉ: 3378 K Rd San Jose, CA 95121 H, Hoa Kỳ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa dân sự Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn anh Phạm Bình S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Hoàng Tiến D, chị Phan Thị P, anh Phùng Văn T và chị Trương Thị Cẩm V vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh N:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh Phạm Bình S có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 1999, tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, do vậy, hôn nhân của Chị N và anh S là hợp pháp. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, trình bày của Chị N, trình bày của các cháu Khánh N, Thảo U con của Chị N, anh S có cơ sở để xác định: anh S đã nhiều lần bỏ nhà đi trong thời gian dài, gia đình và chính quyền địa phương không biết anh sinh sống ở đâu, không về thăm nhà, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Trong quá trình giải quyết yêu cầu ly hôn của Chị N Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của Chị N, không tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa. Xét thấy, anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị N đối với anh S.

[3.2] *Về con chung:* Chị N và anh S có 02 con chung là: cháu Phạm Hoàng Khánh N – sinh ngày 26 tháng 01 năm 2000 và Phạm Hoàng Thảo U– sinh ngày 12 tháng 4 năm 2009. Xét thấy, hiện nay Phạm Hoàng Khánh N đã đủ tuổi thành niên, có quyền lựa chọn cuộc sống ở với cha hay mẹ là quyền của cháu Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Riêng cháu Phạm Hoàng Thảo U từ nhỏ đến nay được Chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S đã không nuôi con, không quan tâm đến con, nay ly hôn Chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi, nguyện vọng của cháu Thảo U cũng xin được ở với mẹ, anh S cũng không có yêu cầu gì đối với việc nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của Chị N, giao cháu Thảo U cho Chị N nuôi dưỡng là đảm bảo về mọi mặt của cháu, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] *Về chia tài sản chung:* Gồm có, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 304 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sở

hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402040269 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2001 cho ông Nguyễn Quang B và bà Trần Thị Lệ T, chứng nhận chuyển nhượng cho vợ chồng anh S, Chị N ngày 23/02/2006 và quyền sử dụng Lô đất số 15, phân khu L thuộc Khu phố chợ H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng số: 164/HĐ/CQSDĐ ngày 15/01/2007 giữa Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đà Nẵng và vợ chồng anh S, Chị N. Chị N cho rằng nguồn gốc hình thành khối tài sản chung này đều do công sức của chị tạo lập nên, anh S không đóng góp gì trong việc tạo dựng khối tài sản này, do vậy, Chị N yêu cầu được chia tài sản chung phần nhiều hơn. Tuy nhiên, các tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 304 đường T được hai vợ chồng nhận chuyển nhượng vào tháng 02/2006 và quyền sử dụng Lô đất số 15, phân khu L được hai vợ chồng ký hợp đồng chuyển nhượng vào ngày 15/01/2007, trước khi anh S bỏ ra ngoài sống. Ngoài lời khai nhận của mình, Chị N cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ đủ cơ sở vững chắc để chứng minh nguồn gốc hình thành tài sản chung vợ chồng đều do công sức của chị tạo lập nên. Do vậy, không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Chị N về việc chia cho mình phần nhiều hơn mà chia đôi theo nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn, mỗi bên được hưởng ½ tổng giá trị tài sản.

Về yêu cầu của Chị N về việc được chia tài sản chung bằng hiện vật là cả quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 304 đường T và quyền sử dụng Lô đất số 15, phân khu L, 150 m2 thuộc Khu phố chợ H. Xét thấy, hiện Chị N cùng hai con đang trực tiếp quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ 304 đường T. Quyền sử dụng Lô đất số 15, phân khu L, 150 m2 thuộc Khu phố chợ H hiện còn nợ 100% tiền sử dụng đất. Chị N là người có công sức phần nhiều vào việc duy trì và phát triển khối tài sản chung của vợ chồng. Trong thời kỳ hôn nhân, anh S là người có lỗi trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, bỏ ra ngoài sống trong thời gian dài, không có trách nhiệm với vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh S không có ý kiến gì đối với tài sản chung. Ly hôn Chị N cũng được giao trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị N được phân chia bằng hiện vật là cả quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 304 đường T và quyền sử dụng Lô đất số 15, phân khu L, 150 m2 thuộc Khu phố chợ H và có nghĩa vụ thối trả cho anh S giá trị ½ tài sản chung bằng tiền, cụ thể như sau:

Theo kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số: 18140150/ĐNG ngày 12/3/2018 của Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng: Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10, tại 304 T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng là 1.878.629.300 đồng, (trong đó, quyền sử dụng đất: 39,7m^2 là 1615.551.800 đồng và công trình xây dựng trên đất 100,22 m^2 là 263.077.500 đồng) và Lô đất số 15, phân khu L, thuộc Khu phố chợ H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng là 1.211.400.000 đồng. Tổng cộng (làm tròn) là 3.090.000.000 đồng (Ba tỷ, không trăm chín mươi triệu đồng).

Đối với Lô đất số 15, phân khu L, thuộc Khu phố chợ H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, hiện anh S, Chị N còn nợ 100% tiền sử dụng đất. Theo Văn bản

số: 107/CN2-QLĐTĐC ngày 11 thánh 8 năm 2017 và Văn bản số: 444/CV-CN2 ngày 16/7/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh số 2, thì tiền sử dụng đất còn nợ là 518.400.000 đồng. Do vậy, khoản nợ chung này phải được cấn trừ vào tổng giá trị tài sản chung vợ chồng trước khi chia. Theo đó, giá trị tài sản chung của Chị N, anh S còn lại để chia là: (3.090.000.000 đồng - 518.400.000 đồng) = 2.571.600.000 đồng. Như vậy, mỗi người được nhận 1/2 giá trị tài sản chung tương ứng với số tiền là: (2.571.600.000 đồng : 2) = 1.285.800.000 đồng. Do Chị N được chia bằng hiện vật về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 304 đường T và quyền sử dụng Lô đất số 15, phân khu L nên Chị N có trách nhiệm thối trả cho anh S giá trị ½ tài sản chung bằng tiền là: 1.285.800.000 đồng.

Sau khi thực hiện việc thối trả tiền chia tài sản chung cho anh S, Chị N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp (đổi) lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản chung được chia nói trên theo quy định của pháp luật.

[3.5] *Về nợ chung:* khoản nợ tiền sử dụng đất là 518.400.000 đồng của Lô đất số 15, phân khu L, thuộc Khu phố chợ H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Do Chị N được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất nên phải có trách nhiệm trả khoản tiền sử dụng đất còn nợ này.

Đối với các khoản nợ của vợ chồng anh Nguyễn Hữu T, chị Hoàng Thị Thanh L, vợ chồng anh Hoàng Tiến D, chị Phan Thị P, chị Hoàng Thị Thanh H, vợ chồng anh Phùng Văn T, chị Trương Thị Cẩm V. Do những người này và Chị N không có yêu cầu giải quyết cùng trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này những người nói trên có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về chị phí thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 22.000.000 đồng, anh S, Chị N mỗi người có trách nhiệm chịu ½. Do trong quá trình giải quyết vụ án, Chị N đã tạm ứng đủ 22.000.000 đồng và đã chi, nên anh Phạm Bình S phải có trách nhiệm thối trả lại cho Chị N 1/2 số tiền là (22.000.000 đồng : 2) = 11.000.000 đồng.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Chị N phải nộp.

[5.2] Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung khi ly hôn, Chị N và anh S mỗi người được chia phần tài sản chung trị giá là 1.285.800.000 đồng, nên phải nộp số tiền án phí là: [36.000.000đ + (3% x 485.800.000đ)] = 50.574.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".*

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thanh N và anh Phạm Bình S.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung Phạm Hoàng Thảo U – sinh ngày 12 tháng 4 năm 2009 cho chị Hoàng Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Con chung Phạm Hoàng Khánh N – sinh ngày 26 tháng 01 năm 2000 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. *Về chia tài sản chung:*

3.1. Chia cho chị Hoàng Thị Thanh N được quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10, địa chỉ 304 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, diện tích đất là 39,70m^2, (ngôi nhà 03 tầng diện tích xây dựng 35m^2, diện tích sử dụng 100,22m^2 theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/02/2018), Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402040269 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2001 cho ông Nguyễn Quang B và bà Trần Thị Lệ T, chứng nhận chuyển nhượng cho anh Pham Bình S và chị Hoàng Thị Thanh N ngày 23/02/2006.

- Quyền sử dụng Lô đất số 15, phân khu L, đường 7,5m, điện tích 150m2 thuộc Khu phố chợ H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng số: 164/HĐ/CQSDĐ v/v chuyển quyền sử dụng đất Khu phố chợ H, phường H, quận N, Tp Đà Nẵng ngày 15/01/2007 giữa Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đà Nẵng và anh Phạm Bình S, chị Hoàng Thị Thanh N.

3.2. Chị Hoàng Thị Thanh N có nghĩa vụ thối trả cho anh Phạm Bình S số tiền tài sản chung được chia là: 1.285.800.000 đồng (một tỉ, hai trăm, tám mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

4. Về nợ chung: Chị Hoàng Thị Thanh N có nghĩa vụ trả khoản nợ tiền sử dụng đất đối với Lô đất số 15, phân khu L, đường 7,5m, điện tích 150m2 thuộc Khu phố chợ H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng số: 164/HĐ/CQSDĐ v/v chuyển quyền sử dụng đất Khu phố chợ H, phường H, quận N, Tp Đà Nẵng ngày 15/01/2007 là: 518.400.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

5. Sau khi thực hiện việc thối trả tiền chia tài sản chung cho anh S, Chị N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp (đổi) lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản chung được chia nói trên theo quy định của pháp luật.

6. *Về chị phí thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ:* anh Phạm Bình S phải có trách nhiệm thối trả lại cho Chị N số tiền là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

7. *Về án phí:*

7.1. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Hoàng Thị Thanh N phải chịu là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tam ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 1137 ngày 05/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

7.2. Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung:

Chị Hoàng Thị Thanh N và anh Phạm Bình S mỗi người phải nộp số tiền là: 50.574.000 đồng (Năm mươi triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Riêng chị Hoàng Thị Thanh N được trừ đi số tiền 14.000.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo biên lai thu số 1137 ngày 05/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Chị N còn phải nộp số tiền là 36.574.000 đồng (ba mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

9. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Cục THA DS Tp. Đà Nẵng;
- Lưu HS, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu